VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NGOẠI GIAO

BỘ NGOẠI GIAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03/2025/TT-BNG	*Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2025*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 10/2005/TT-BNG ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn một số điều của Nghị định số 06/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ quy định về việc lập và hoạt động của Văn phòng đại diện của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 06/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về việc lập và hoạt động của Văn phòng đại diện của các tổ chức nghiên cứu, hợp tác của nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 28/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Ngoại vụ và Ngoại giao văn hóa;

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 10/2005/TT-BNG ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn một số điều của Nghị định số 06/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ quy định về việc lập và hoạt động của Văn phòng đại diện (VPĐD) của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 10/2005/TT-BNG ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn một số điều của Nghị định số 06/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ quy định về việc lập và hoạt động của Văn phòng đại diện của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam (Thông tư số 10/2005/TT-BNG)

1. Sửa đổi khoản 5 mục II của Thông tư số 10/2005/TT-BNG như sau:

"5. Về thu hồi Giấy phép:

Giấy phép lập VPĐD sẽ bị thu hồi trong các trường hợp sau: Hoạt động không phù hợp với nội dung ghi trong Giấy phép được cấp; vi phạm các quy định của Nghị định; vi phạm pháp luật Việt Nam; chương trình/dự án chấm dứt trước thời hạn."

2. Sửa đổi khoản 1 Mục III của Thông tư số 10/2005/TT-BNG như sau:

"1. Tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài xin lập VPĐD, sửa đổi, bổ sung và gia hạn Giấy phép phải làm 03 (Ba) bộ hồ sơ theo quy định tại Mục II, khoản 4 của Thông tư này và nộp trực tiếp cho Bộ Ngoại giao.

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có sổ theo dõi và trao giấy biên nhận khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ."

3. Bãi bỏ khoản 3 mục IV của Thông tư số 10/2005/TT-BNG.

4. Sửa đổi một số điểm Mục V của Thông tư số 10/2005/TT-BNG như sau:

a) Sửa đổi điểm b khoản 1 như sau:

"b) Trưởng VPĐD và nhân viên Văn phòng là người nước ngoài được hưởng chế độ ưu đãi về thuế theo các quy định pháp luật liên quan hiện hành của Việt Nam áp dụng đối với cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam."

b) Sửa đổi điểm a khoản 2 như sau:

"a) Trưởng VPĐD có trách nhiệm tuân thủ những quy định đã được nêu tại Điều 14 Nghị định. VPĐD có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ gửi tới Bộ Ngoại giao và Cơ quan chủ quản phía Việt Nam liên quan."

Điều 2. Bổ sung Mục VIa vào sau mục VI như sau

"VIa. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

1. Tên báo cáo:

a) Đối với các VPĐD của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài: Báo cáo về tình hình triển khai các hoạt động tại Việt Nam 06 tháng đầu năm/năm (năm thực hiện báo cáo).

b) Đối với Cơ quan chủ quản phía Việt Nam: Báo cáo về tình hình hợp tác, quản lý VPĐD của các tổ chức nghiên cứu, hợp tác của nước ngoài năm (năm thực hiện báo cáo).

2. Nội dung yêu cầu báo cáo: Đề cương theo Mẫu 03/BNG-VPĐD và Mẫu 04/BNG-VPĐD theo hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối tượng thực hiện báo cáo: Cơ quan chủ quản phía Việt Nam thực hiện báo cáo theo Mẫu 03/BNG-VPĐD, các tổ chức nghiên cứu, hợp tác nước ngoài thực hiện báo cáo theo Mẫu 04/BNG-VPĐD theo hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Cơ quan nhận báo cáo:

a) VPĐD của các tổ chức nghiên cứu, hợp tác nước ngoài gửi báo cáo cho Bộ Ngoại giao và Cơ quan chủ quản phía Việt Nam.

b) Cơ quan chủ quản phía Việt Nam gửi báo cáo cho Bộ Ngoại giao.

5. Phương thức gửi, nhận báo cáo:

a) Gửi qua Hệ thống văn bản và Điều hành;

b) Gửi qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Ngoại giao kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia do Văn phòng Chính phủ xây dựng;

c) Gửi qua Hệ thống thư điện tử;

d) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

6. Thời hạn các VPĐD của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài và Cơ quan chủ quản phía Việt Nam gửi báo cáo định kỳ cho Bộ Ngoại giao: chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo.

7. Tần suất thực hiện báo cáo:

a) VPĐD của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài thực hiện báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và hằng năm;

b) Cơ quan chủ quản phía Việt Nam thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm.

8. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo.

b) Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

9. Bộ Ngoại giao và Cơ quan chủ quản phía Việt Nam có thể yêu cầu VPĐD của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài báo cáo đột xuất. Thời gian chốt số liệu và thời hạn gửi báo cáo thực hiện theo yêu cầu của cơ quan yêu cầu báo cáo.”

Điều 3. Ban hành kèm theo Thông tư này các mẫu văn bản được sử dụng trong quá trình lập và hoạt động của VPĐD của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam

1. Mẫu 01/BNG-VPĐD: Đơn xin phép lập VPĐD của tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam.

2. Mẫu 02/BNG-VPĐD: Giấy phép lập VPĐD của tổ chức nghiên cứu, hợp tác của nước ngoài tại Việt Nam.

3. Mẫu 03/BNG-VPĐD: Đề cương báo cáo định kỳ của Cơ quan chủ quản phía Việt Nam.

4. Mẫu 04/BNG-VPĐD: Đề cương báo cáo định kỳ của VPĐD của tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2025.

2. Các Giấy phép lập VPĐD của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam được cấp trước khi Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục có giá trị cho tới khi hết hạn được ghi tại Giấy phép. Khi thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn Giấy phép, trên cơ sở đáp ứng các điều kiện theo quy định, Bộ Ngoại giao sẽ cấp Giấy phép lập VPĐD tại Việt Nam của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài theo Mẫu 02/BNG-VPĐD kèm theo Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có các vấn đề mới phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Ngoại giao để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

BỘ TRƯỞNG

Bùi Thanh Sơn

Mẫu 01/BNG-VPĐD

TÊN TỔ CHỨC

ĐƠN XIN PHÉP
LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC HỢP TÁC, NGHIÊN CỨU CỦA NƯỚC NGOÀI TẠI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Kính gửi: Bộ Ngoại giao

Căn cứ Nghị định số..../NĐ-CP ngày.../.../... của Chính phủ về việc lập và hoạt động của Văn phòng Đại diện của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số.../TT-BNG ngày.../.../... của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn một số điều của Nghị định số..../NĐ-CP ngày.../.../... của Chính phủ về việc lập và hoạt động của Văn phòng Đại diện của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ các văn bản khác (nếu có);

Tổ chức..., quốc tịch.... xin đề nghị Bộ Ngoại giao cấp Giấy phép lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam với thông tin như sau:

1. Tên tổ chức:

- Tên đầy đủ:

- Tên viết tắt:

- Quốc tịch:

2. Giấy chứng nhận hoặc quyết định thành lập tổ chức (số.... do Bộ, ngành, chính quyền địa phương nước... cấp ngày.....)

3. Địa chỉ trụ sở chính ở nước ngoài:

- Điện thoại:

- Website:

- Email:

4. Tóm tắt quá trình phát triển của tổ chức:

- Ngày thành lập:

- Tôn chỉ, mục đích:

- Các lĩnh vực hoạt động:

- Địa bàn đã và đang hoạt động trên thế giới và khu vực:

5. Nguồn vốn và khả năng tài chính:

6. Hoạt động tại Việt Nam:

- Thời gian dự kiến:

- Phạm vi hoạt động:

- Các chương trình/dự án dự kiến tại Việt Nam:

- Cơ quan đối tác Việt Nam:

7. Dự kiến số lượng nhân viên người nước ngoài và người Việt Nam

- Số lượng nhân viên người nước ngoài:

- Số lượng nhân viên người Việt Nam:

8. Thông tin về người đại diện của tổ chức tại Việt Nam:

- Họ và tên:

- Ngày sinh:

- Quốc tịch:

- Số hộ chiếu:

- Chức danh:

9. Thông tin về lĩnh vực, mã ngành hoạt động* và địa bàn hoạt động dự kiến tại Việt Nam

10. Địa chỉ Văn phòng Đại diện dự kiến tại Việt Nam

11. Nêu rõ nội dung đề nghị lập Văn phòng đại diện

12. Cam kết chấp hành các quy định pháp luật trong triển khai các hoạt động tại Việt Nam

(*) Lĩnh vực và mã ngành hoạt động: được phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Đại diện của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu 02/BNG-VPĐD

BỘ NGOẠI GIAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../...	*Hà Nội, ngày tháng năm*

GIẤY PHÉP
LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM
CỦA TỔ CHỨC HỢP TÁC, NGHIÊN CỨU NƯỚC NGOÀI

BỘ NGOẠI GIAO

- Căn cứ Nghị định số.../NĐ-CP ngày.../.../... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;

- Căn cứ Nghị định số.../NĐ-CP ngày.../.../... của Chính phủ về việc lập và hoạt động của Văn phòng đại diện của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam;

- (Các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành khác liên quan);

- Căn cứ vào ý kiến của: Bộ...../UBND tỉnh.....;

- Xét đề nghị của tổ chức.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chấp thuận cho tổ chức.....;
Trụ sở chính:.....;
Quốc tịch:.....;
được thành lập Văn phòng đại diện tại tỉnh/thành phố..., Việt Nam dưới tên....
để tiến hành các chương trình hợp tác trong lĩnh vực...;
Mã ngành hoạt động:

Điều 2: Lĩnh vực và nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phải được ghi trong các văn bản Thỏa thuận hợp tác với...

Điều 3: Văn phòng đại diện tại Việt Nam của... có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại... (văn bản quy phạm pháp luật liên quan).

Số nhân viên của Văn phòng đại diện:... (trong đó có... người nước ngoài và... người Việt Nam);

Địa chỉ Văn phòng đại diện:...;

Điện thoại:...;

Email:...

Điều 4: Trưởng Văn phòng đại diện, chịu trách nhiệm về các hoạt động của... tại Việt Nam là:

Họ và tên:...

Ngày sinh:...; Quốc tịch:... Hộ chiếu số:...

Điều 5: Giấy đăng ký có giá trị từ ngày.... đến ngày...

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 03/BNG-VPĐD

TÊN CƠ QUAN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BC-Bộ/UBND....	*..., ngày.... tháng... năm...*

BÁO CÁO
Về tình hình hợp tác và quản lý hoạt động của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam năm...

Kính gửi: Bộ Ngoại giao

I. TÌNH HÌNH HỢP TÁC VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC HỢP TÁC, NGHIÊN CỨU CỦA NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM NĂM...

1. Liệt kê các thỏa thuận hợp tác Cơ quan chủ quản đã ký trong năm với các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam, kèm theo bản sao các thỏa thuận này

2. Liệt kê các hoạt động mà Cơ quan đã và đang triển khai hợp tác với các tổ chức như bảng kèm theo

3. Thông tin về tình hình thực hiện các ưu đãi liên quan đến thuế và các ưu đãi khác (nếu có) dành cho các tổ chức.

4. Thông tin về việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của Cơ quan chủ quản và các cơ quan nhà nước khác có liên quan

5. Nhận xét về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong công tác quản lý hoạt động của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài; đề xuất các giải pháp

6. Nêu rõ các tổ chức có hoạt động phức tạp và biện pháp xử lý (cụ thể các hoạt động của tổ chức đó)

7. Các nội dung khác do Bộ Ngoại giao yêu cầu cụ thể (nếu có)

II. ĐÁNH GIÁ

1. Nêu thuận lợi và khó khăn trong quá trình hợp tác và quản lý hoạt động của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam

2. Giá trị và hiệu quả của các hoạt động hợp tác

3. Đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức

4. Những vấn đề cần lưu ý trong việc các tổ chức hợp tác, nghiên cứu nước ngoài thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định

III. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM...

1. Các hoạt động đã có cam kết của các tổ chức nghiên cứu, hợp tác của nước ngoài và các hoạt động bộ, ngành ưu tiên hợp tác

2. Những vấn đề cần lưu ý và đề xuất các biện pháp cụ thể trong hợp tác và quản lý hoạt động của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan

2. Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả hợp tác và quản lý hoạt động của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Lưu:...

Ký tên, chức vụ
(đóng dấu)

THỐNG KÊ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC VỚI CÁC TỔ CHỨC HỢP TÁC, NGHIÊN CỨU CỦA NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

(Kèm theo công văn số... ngày.... tháng... năm... của...)

Đơn vị tính: USD

STT	Tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài (không dịch sang tiếng Việt)	Quốc tịch	Tên hoạt động	Lĩnh vực	Chi tiết lĩnh vực	Địa phương	Cam kết	Giải ngân	Số văn bản phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(09)	(10)
1										
2										
3										
	Tổng số									

Ghi chú: Ngân sách thống nhất tính bằng đô-la Mỹ (USD) (kể cả đối với hỗ trợ bằng hiện vật).

**** Giải thích từ ngữ:***

(4), (5): Lĩnh vực hoạt động: được phân theo được phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Mẫu 04/BNG-VPĐD

TÊN TỔ CHỨC

Số:....

BÁO CÁO
Về tình hình triển khai các hoạt động tại Việt Nam 06 tháng đầu năm/năm...

Kính gửi:
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ.../UBND tỉnh/thành phố...
(Cơ quan chủ quản phía Việt Nam).

1. Liệt kê các thỏa thuận hợp tác đã ký trong năm với các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương phía Việt Nam, kèm theo bản sao các thỏa thuận này

2. Các hoạt động đã thực hiện trong năm (thống kê theo bảng kèm theo)

3. Số liệu về quy mô số lượng cá nhân, tổ chức hưởng lợi, sản phẩm của hoạt động

4. Số liệu về nguồn và kinh phí thực hiện hoạt động

5. Số liệu về ngân sách đã được tổ chức chuyển sang đối tác Việt Nam thực hiện về ngân sách do tổ chức tự thực hiện (nếu có)

6. Kế hoạch và dự kiến số vốn cho các hoạt động tại Việt Nam năm tiếp theo, chi tiết đến từng hoạt động

7. Số liệu về nhân sự của tổ chức

8. Việc thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm bảo đảm hoạt động của VPĐD, thân nhân và những người đi theo nhân viên của tổ chức

9. Những vấn đề cần lưu ý trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định

10. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện các hoạt động và kiến nghị

11. Đánh giá hiệu quả hoạt động được thực hiện

12. Các nội dung khác do Bộ Ngoại giao yêu cầu cụ thể (nếu có).

Đại diện của Tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

THỐNG KÊ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC VỚI CƠ QUAN CHỦ QUẢN PHÍA VIỆT NAM

(Kèm theo văn bản số... ngày.... tháng... năm... của....)

(Đơn vị tính: USD)

STT	Tên hoạt động	Lĩnh vực	Chi tiết lĩnh vực	Địa phương	Cam kết	Giải ngân	Đối tác	Số văn bản phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1									
2									
3									
	Tổng số								

Ghi chú: Ngân sách thống nhất tính bằng đô-la Mỹ (USD) (kể cả đối với hỗ trợ bằng hiện vật).

**** Giải thích từ ngữ:***

(4), (5): Lĩnh vực hoạt động: được phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành.